

Bài 39 ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

*** Kiến thức**

- Ôn tập, củng cố kiến thức về số và chữ số trong phạm vi 100 (số có hai chữ số); về đọc, viết số, cấu tạo, phân tích số, xếp thứ tự, so sánh số.
- Ôn tập, củng cố vận dụng quy tắc tính (đặt tính rồi tính), tính nhẩm, tính trong trường hợp có hai dấu phép tính, vận dụng vào giải toán có lời văn (toán thực tế) để nêu phép tính thích hợp và nêu câu trả lời.

*** Phát triển năng lực**

Phát triển năng lực giải quyết vấn đề qua việc giải các bài toán thực tế, phát triển trí tưởng tượng, tư duy logic qua bài toán vui, trò chơi, năng lực mô hình hoá, giao tiếp (qua áp dụng quy tắc tính, diễn đạt,...).

II CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 1, mô hình, tranh ảnh phục vụ các bài trong SGK.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1. Luyện tập

Bài 1: Bài này củng cố về lập số, đọc, viết số, cấu tạo số (hàng chục, hàng đơn vị). Yêu cầu HS quan sát tranh vẽ “que tính” rồi nêu các số thích hợp.

Bài 2: a) Củng cố cấu tạo số (số gồm mấy chục và mấy đơn vị). Yêu cầu HS tìm được số tương ứng trong ô (theo mẫu).

b) Có thể hiểu 47 gồm 4 chục và 7 đơn vị hay viết là: $47 = 40 + 7$. Tìm các số tương ứng trong ô ở các phép tính còn lại.

Bài 3: Củng cố so sánh số đo độ dài. Yêu cầu HS so sánh số đo độ dài bước chân của mỗi bạn, rồi trả lời câu hỏi (trong SGK).

Bài 4: Toán vui “ghép hai miếng bìa để được số có hai chữ số”. Yêu cầu HS lập được các số có hai chữ số khác nhau từ ba chữ số đã cho 3, 0, 7. Sau đó nhận ra có 4 số ghép được là: 37, 73, 30, 70.

Lưu ý: GV có thể cho HS ghép hai miếng bìa từ ba miếng bìa có ba chữ số khác 0, chẳng hạn từ ba chữ số 3, 5, 7 ghép được 6 số: 35, 37, 57, 53, 73, 75. Sau đó mới ghép ba chữ số 3, 0, 7 (SGK) để được 4 số: 30, 37, 70, 73 (số 03, 07 bị loại vì không phải là số có hai chữ số).

Đáp án: *Bài 2:* b) $53 = 50 + 3$; $69 = 60 + 9$; $96 = 90 + 6$.

Bài 3: a) Nam có bước chân dài nhất;

b) Việt có bước chân ngắn nhất.

Bài 4: 37, 73, 30, 70.

Tiết 2. Luyện tập

Bài 1: a) Cho HS thực hiện tính nhẩm (nêu ngay kết quả tính).

b) Yêu cầu HS đặt tính rồi tính (HS tự làm, GV chỉ kiểm tra, giúp đỡ nếu cần).

Bài 2: Yêu cầu HS tính kết quả các phép tính, rồi tìm hai phép tính có cùng kết quả. (Khi tính có thể nhầm ra kết quả, không cần đặt tính rồi tính).

Lưu ý: Với tranh vẽ, HS có thể hiểu vui: Con mèo bắt được con cá khi hai phép tính tương ứng có cùng kết quả.

Bài 3: Yêu cầu HS tính lần lượt phép tính từ trái sang phải. (Có thể nhầm ra kết quả rồi nêu kết quả phép tính).

Bài 4: Yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm các phép tính ghi trên con rỗng. Sau đó nêu kết quả tương ứng với dấu hỏi (?) trong bảng.

Đáp án: *Bài 2:* a) $35 + 12 = 40 + 7$; $53 + 6 = 40 + 19$; $60 + 20 = 30 + 50$.

Bài 3: a) 64, 14, 46;

b) 76, 70, 80.

Bài 4: 50, 30, 50.

Tiết 3. Luyện tập

Bài 1: Yêu cầu HS dựa vào quy tắc tính phép cộng, phép trừ số có hai chữ số với (cho) số có hai chữ số, biết nhẩm kết quả ở từng hàng (đơn vị, chục), từ đó tìm được chữ số thích hợp điền vào ô trống (riêng phép trừ $85 - \boxed{\text{?}} \boxed{\text{?}} = 31$ có thể tìm $\boxed{\text{?}} \boxed{\text{?}} = 85 - 31 = 54$, phép cộng $\boxed{\text{?}} \boxed{\text{?}} + 24 = 76$ có thể tìm $\boxed{\text{?}} \boxed{\text{?}} = 76 - 24 = 52$).

Bài 2: Yêu cầu HS tính kết quả các phép tính ở mỗi ngôi sao, nhận xét từng kết quả phép tính rồi tìm các ngôi sao ghi phép tính có kết quả lớn hơn 26.

Bài 3: Cùng cố bài toán có lời văn (toán thực tế liên quan đến phép trừ). Yêu cầu HS tìm ra phép tính thích hợp rồi nêu (nói) câu trả lời (GV để HS tự làm, chỉ hướng dẫn khi cần thiết).

Bài 4: Tương tự bài 3, yêu cầu HS tìm ra phép tính thích hợp rồi nêu (nói) câu trả lời.

Đáp án: *Bài 1:* $41 + 35 = 76$, $52 + 24 = 76$, $77 - 23 = 54$, $85 - 54 = 31$.

Bài 2: b) $47 - 7 > 26$, $50 + 5 > 26$, $30 + 10 > 26$.

Bài 3: $75 - 52 = 23$. Còn 23 cây hoa hồng chưa nở hoa.

Bài 4: $32 + 35 = 67$. Cả hai lớp có 67 bạn cùng tham gia buổi cắm trại.